

Cao Bằng, ngày 27 tháng 5 năm 2024

ĐIỂM THI

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 23 (huyện Trùng Khánh)

Môn: Phần A.I,II - Nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và Nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử

Ngày thi: 10/5/2024

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
1	Hoàng Thị Bạch	8,00	Tám	37	La Thị Mây	7,75	Bảy phẩy bảy năm
2	La Thị Biếc	6,75	Sáu phẩy bảy năm	38	Nguyễn Thị Minh Nghiê	6,75	Sáu phẩy bảy năm
3	Lục Thị Chinh	7,00	Bảy	39	Luong Văn Ngu	7,75	Bảy phẩy bảy năm
4	Hoàng Văn Cương	7,50	Bảy phẩy năm	40	Thang Thị Nguyệt	7,75	Bảy phẩy bảy năm
5	Hoàng Văn Dự	6,25	Sáu phẩy hai năm	41	Trần Đức Nhâm	6,75	Sáu phẩy bảy năm
6	Hoàng Thị Duyên	7,00	Bảy	42	Hoàng Thị Nhung	6,25	Sáu phẩy hai năm
7	La Thị Duyên	7,75	Bảy phẩy bảy năm	43	Nông Thị Nhung	6,25	Sáu phẩy hai năm
8	La Thị Duyên	6,25	Sáu phẩy hai năm	44	Ngân Thị Nương	6,00	Sáu
9	Nông Thị Duyên	7,75	Bảy phẩy bảy năm	45	Ngô Thị Phương	6,25	Sáu phẩy hai năm
10	Luong Thị Gấm	7,75	Bảy phẩy bảy năm	46	Đàm Văn Quang	6,25	Sáu phẩy hai năm
11	Nông Thị Hằng	7,50	Bảy phẩy năm	47	Mông Đình Quế	6,00	Sáu
12	Nông Thị Hành	7,00	Bảy	48	Chu Thị Quý	6,50	Sáu phẩy năm
13	Luong Thị Hạnh	7,50	Bảy phẩy năm	49	Hà Thị Quyền	8,00	Tám
14	Bế Thị Hào	6,00	Sáu	50	Lãnh Thị Minh Tâm	7,50	Bảy phẩy năm
15	Dương Thị Hào	7,75	Bảy phẩy bảy năm	51	Hoàng Văn Thái	8,00	Tám
16	Hoàng Đức Hiếu	7,75	Bảy phẩy bảy năm	52	Nông Thị Thắm	7,50	Bảy phẩy năm
17	Ngân Thị Hòa	7,50	Bảy phẩy năm	53	Bế Thị Thê	8,00	Tám
18	Luong Thị Hợp	7,75	Bảy phẩy bảy năm	54	Hứa Văn Thiệp	7,50	Bảy phẩy năm
19	Hoàng Văn Huân	7,50	Bảy phẩy năm	55	Lục Văn Thiệp	7,00	Bảy
20	Đàm Thị Huệ	7,00	Bảy	56	Hoàng Văn Thóm	6,00	Sáu
21	Hoàng Kim Huệ	7,00	Bảy	57	Lục Thị Thu	7,00	Bảy
22	Nông Thị Hường	7,50	Bảy phẩy năm	58	Nông Văn Thượng	7,00	Bảy

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
23	Hứa Quốc Huy	7,50	Bảy phẩy năm	59	Hứa Thị Thúy	7,00	Bảy
24	Hoàng Bích Huyền	7,00	Bảy	60	Nông Ngọc Thủy	7,25	Bảy phẩy hai năm
25	Hoàng Văn Khai		Thôi học	61	Triệu Thị Thủy	7,50	Bảy phẩy năm
26	Hà Phúc Khải	7,00	Bảy	62	Nguyễn Ngọc Tịch	7,25	Bảy phẩy hai năm
27	Hoàng Thị Khâm	7,50	Bảy phẩy năm	63	Luong Thị Tiên	7,25	Bảy phẩy hai năm
28	Nông Đức Khánh	6,00	Sáu	64	Nguyễn Quang Tiến	8,00	Tám
29	La Đức Kiểm	6,00	Sáu	65	Triệu Thị Tồn	7,25	Bảy phẩy hai năm
30	Hoàng Thị Kỳ	6,00	Sáu	66	Hoàng Minh Trọng	6,25	Sáu phẩy hai năm
31	Sầm Thị Lanh	7,00	Bảy	67	Hoàng Đức Trung	6,00	Sáu
32	Đinh Thị Liên	7,00	Bảy	68	Đàm Thị Tuyền	6,25	Sáu phẩy hai năm
33	Nông Thị Liễu	7,50	Bảy phẩy năm	69	Vi Thị Viện	6,00	Sáu
34	Nông Thị Luyện	7,00	Bảy	70	Hoàng Thị Yến	6,75	Sáu phẩy bảy năm
35	Nông Thị Ly	7,00	Bảy	71	Ngôn Hải Yến	7,50	Bảy phẩy năm
36	Nông Thị Mận	7,75	Bảy phẩy bảy năm	72	Lý Thị Hoài	7,75	Bảy phẩy bảy năm

Điểm 6,00: 09 điểm; Điểm 6,25: 08 điểm; Điểm 6,50: 01 điểm; Điểm 6,75: 04 điểm; Điểm 7,00: 15 điểm; Điểm 7,25: 05 điểm; Điểm 7,50: 13 điểm; Điểm 7,75: 11 điểm; Điểm 8,00: 05 điểm./.

GHI ĐIỂM

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thu Hằng

Đoàn Thị Vân Thúy



Trịnh Thị Ánh Hoa